

NGHI LỄ LÊN ĐỒNG HẦU BÓNG VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI ĐỜI SỐNG TÂM SINH LÝ NHÓM XÃ HỘI ĐẶC THÙ (*Nghiên cứu trường hợp ở đồng bằng Bắc bộ Việt Nam*)

NGUYỄN NGỌC MAI*

1. Đặt vấn đề:

Các ông Đồng, bà Đồng là những người trực tiếp tham gia thực hành nghi lễ lên đồng hầu bóng - một thực hành lễ thức trong tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần & Thánh Mẫu ở đồng bằng Bắc bộ Việt Nam. Trong quan niệm dân gian trước khi trở thành ông (bà) Đồng, họ là những người có căn Đồng - người có mối dây liên hệ với thánh thần. Thực chất họ là ai, họ có gì đặc biệt so với những người bình thường cả về đặc điểm tâm sinh lý và vị thế xã hội. Bài viết này là những nghiên cứu về đời sống tâm, sinh lý của các căn đồng thời hiện đại ở đồng bằng bắc bộ Việt Nam nhằm lý giải phần nào về mối liên hệ giữa nhóm xã hội đặc thù và nghi lễ lên đồng hầu bóng.

2. Đời sống tâm sinh lý các "căn Đồng" ngày nay và mối liên hệ với việc thực hành nghi lễ lên đồng hầu bóng.

Quá trình *tiếp xúc, phỏng vấn sâu 30 căn Đồng và người thân của họ, nhận diện những đặc điểm trội vượt qua tính cách, khí chất, thể trạng cũng như tâm lý*, kết hợp với những thông tin cụ thể mà các đồng nghiệp cung cấp có thể xếp các căn Đồng ở đồng bằng Bắc bộ (ĐBBB) thành 5 nhóm người với những đặc điểm như sau:

Nhóm thứ nhất: là những người có trạng thái tâm, sinh lý không bình thường bao gồm: những người đồng tính - đồng tính về đặc điểm giới tính và đồng tính trên phương diện đặc điểm nhân cách. Nhóm này không thể nói là trong cuộc sống họ hoàn toàn xuôi sẻ. Khó khăn đầu tiên của họ xuất phát ngay từ chính các thành viên trong gia đình. Một khi thấy con, em mình không hẳn là nam hay là nữ chắc chắn những ông bố bà mẹ không khỏi thất vọng. Sự thất vọng này dù che dấu đến đâu cũng có lúc, bột phát ra bên ngoài khiến những người này bị tổn thương. Khó khăn thứ hai là rào cản tâm lý cộng đồng, những câu nói về nhóm này đại loại như “đồ đồng cô, đồ bê đê...” đã không chỉ như những mũi kim châm chích mà còn tạo ra một khoảng cách vô hình khiến họ rất khó khăn trong hoà nhập cộng đồng và thực hiện được những quyền nhân thân thiết yếu. Nghiên cứu “Tiếp cận đồng tính nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đặc tính tình dục và cơ hội dự phòng HIV” của nhóm các nhà xã hội học Thành Phố Hồ Chí Minh cũng cho kết luận: “Cuộc sống của nhiều bóng lộ (BL: Nam thể hiện mình như nữ) – đặc trưng là sự ruồng bỏ. Vì sự lệch chuẩn rõ ràng của họ, sự kì thị và phân biệt đối xử với BL xảy ra ở nhiều nơi. BL bị ngược đãi cả về thể chất (bạo hành) và tinh thần (lãng mạ và đe dọa) trong gia đình, đặc biệt là người cha và anh em trai. Tại nơi làm việc họ cũng bị từ chối hoặc bị sa thải chỉ vì về bên ngoài của họ. Tại các cơ sở dịch vụ giải trí BL đôi khi cũng bị từ chối do tin đồn rằng họ là kẻ móc túi và gây rắc rối, điều đó có

* ThS.; Viện Nghiên cứu Con người.

thể làm ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của cơ sở này" [8, tr.5-7]. Những khó khăn đó một phần do cộng đồng xung quanh tạo ra, một phần do họ tự dựng lên cho mình. Cảm giác mình không giống mọi người không thể không làm họ đau khổ, cô độc và thậm chí cả ghen tị. Một số khác mặc dù có đặc điểm giới tính rõ ràng song các hóc môn quy định phát triển nhân cách giới lại có vấn đề vì vậy họ mặc dù rõ là nam hay nữ về đặc điểm giới tính nhưng tính cách và khí chất lại rất mập mờ. Những nhân cách này tính cách rất hay thay đổi, càng lớn lên, tính cách của họ càng bộc lộ chẳng giống giới nào. Họ thường xuyên bị giễu cợt, xúc phạm chỗ đám đông. Khiếm khuyết cơ thể hay tính cách khiến họ rất khó khăn trong việc kết giao với bạn khác giới mà một số cán Đồng ở nhóm này đã từng bộc bạch: "ai mà chịu được bọn em, hay thay đổi lúc thì thể này, lúc thể kia, chửi người ta san sát, ai dám làm bạn gái tụi em"[17]. Việc tìm hiểu những nhân cách dạng này qua phỏng vấn sâu, quan sát tham dự, nghiên cứu câu chuyện cuộc đời... cho thấy nhóm xã hội này tính cách rất mất ổn định: lúc thì vui vẻ, lúc lại khó khăn, nhiều khi không làm chủ được cảm xúc họ hay mắng chửi người khác rất cay độc, quan điểm thường tiền hậu bất nhất, vì đặc điểm này họ thường bị gán cho khái niệm là người "đồng bóng". Chưa kể những cách phục trang bên ngoài của họ cũng bộc lộ những nét không hề nam tính như nhuộm tóc sặc sỡ, đánh móng tay, móng chân, ăn nói yếu điệu, ồm ồm... Hoàn cảnh sống bị cách ngăn, có khoảng cách với cộng đồng, khiến họ có xu hướng co lại, giao tiếp trong phạm vi quen thuộc (những người cùng đồng tính), càng như vậy càng không có lối thoát, sự ức chế tâm lý, sinh lý đã khiến các cá nhân này trở nên lạc lõng cô độc, họ là một trong những nhóm yếu thế. Họ bị lạc lõng đơn độc khi phải tự đối diện với những vấn đề của mình. Cảm tưởng cô độc giống như bị nhốt riêng, mũi châm chích đau đớn này phát sinh định hướng cần được đồng nhất cộng đồng, được thừa nhận bởi cộng đồng. Mong muốn lập lại trật tự ứng xử xã hội của nhóm này là điều dễ hiểu. Khi *gia trình Đồng*¹, nhập vào bản hội của những người lên đồng, tổ chức thực hành nghi lễ lên đồng họ được vào vai Thần linh, hoá thân thành Thần Thánh, được trải nghiệm cảm giác mình là Thần Thánh (yếu tố tự ám thị), khi đó mọi người xung quanh đều kêu xin, vái lạy họ như vái lạy Thần Thánh. Điều này khiến họ phần nào thoả mãn cái tôi từng bị tổn thương, bầm dập. Đó là chưa kể đến khi họ là *gay* (theo cách nói của dân gian) và là *MSM* (men sex men- theo cách gọi của xã hội học hiện đại) thì họ ắt không hẳn thuộc dương và cũng không hẳn là âm về đặc điểm tính cách, những nhân cách kiểu này có mối liên hệ nào đó với nhạy cảm thần kinh khiến họ dễ rơi vào trạng thái *biến đổi ý thức* nhanh và dễ dàng hơn những người khác. Đặc thù của nghi lễ lên đồng lại là sự nhập vai của nhiều vị Thần linh cả nam và nữ đòi hỏi các Đồng phải liên tục thay đổi trạng thái giới tính, về mặt, hành động, giọng nói, khí chất và tính cách...điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhân cách của những người nhóm này. Chi tiết này lý giải tại sao khi thực hành nghi lễ lên đồng, họ vào vai Thần Thánh đạt hơn, dân gian càng tin họ được Thánh nhập thực sự, càng nể trọng và

¹⁾ *Gia trình đồng* là cách gọi một cuộc lễ lên đồng của Đồng Thầy nhằm mục đích cầu, Thánh thần giáng vào người Đồng Thầy để thụ lễ, chứng nhận cho một người thành Đồng. Sau nghi lễ này, người được thụ lễ trở thành linh của thần linh. Từ phủ và có thể tự tổ chức lên đồng hầu bóng. Từ Gia ở đây dùng theo nghĩa *gia nhập, tham gia vào*.

tin tưởng họ là *người Thần dựa* (người Trung gian giữa Thần - người). Ở phương diện này, nghi lễ lên đồng đã tạo cho những người ở nhóm này môi trường để họ tự tin, giúp họ lấy lại thăng bằng về tâm lý. Sống và sinh hoạt tập thể giữa những con người cùng cảnh ngộ đã giúp họ vượt lên những thiếu hụt của số phận, sự tán thương của những thành viên dự nghi lễ đã tiếp thêm cho họ sức mạnh, vì vậy sau mỗi cuộc lên đồng, họ như được hồi sinh. Điều này một lần nữa chứng thực giả thuyết “một số người quay về với tôn giáo không phải như một hành vi của đức tin mà chỉ để thoát khỏi một mối hoài nghi không thể nào chịu nổi; họ quyết định như thế không do lòng sùng tín mà để đi tìm sự an ủi” [9, tr.172]. Quan trọng hơn họ cảm thấy có lại được sức mạnh nội lực do quan niệm “được Thần tiếp lộc, tiếp sức” [17]. Như vậy, ngay cả sự định hướng phi lý nhất của cá nhân nếu được chia sẻ bởi một cộng đồng lớn cũng sẽ đem lại cho các cá nhân cái cảm tưởng mình là một với người khác, đem lại một ít an ổn và vững tâm mà những người này bình thường không có được, đây chính là nhu cầu đồng nhất mình với cộng đồng của các căn Đòng nhóm này ở ĐBBB Việt Nam.

Nhóm thứ hai: là những người hay gặp bất hạnh trong cuộc sống đời tư: li dị; vợ (chồng) mất sớm, cuộc sống lứa đôi nhiều trắc trở. Nhóm này có đặc điểm cũng là người nhạy cảm, dễ xúc động, dễ tin, bản thân họ khá yếu đuối, nhưng do hoàn cảnh sống éo le, trắc trở buộc họ phải trở nên mạnh mẽ hoặc cố để tỏ ra mạnh mẽ (Đòng H/Hà Nội); vợ chồng li dị nhau, thậm chí đã tái giá, nhưng cuộc hôn nhân tiếp theo cũng vẫn không ra gì (Đòng M/Hà Nội). Đặc trưng tâm lý nhóm này hay “thấy mệt mỏi, đơn độc và đau khổ” [17], họ cũng rất dễ bị tổn thương tâm lý. Những câu chuyện cuộc đời của nhóm này cho biết họ đã từng liên tục hoặc định kỳ rơi vào trạng thái “trầm nhược” [19, tr.384], giai đoạn này họ gặp khá nhiều khó khăn về tinh thần, thể chất. Trong khi đó những trợ giúp về tinh thần cho những đối tượng này ở xã hội Việt Nam xưa cũng như nay còn rất thiếu và yếu (một phần do người Việt Nam chưa có thói quen tìm đến các tư vấn, trị liệu tâm lý để vượt lên hoàn cảnh hiện tại và cũng chưa có thói quen trả tiền cho các liệu pháp tâm lý). Trong hoàn cảnh đó nhóm người này thực sự khó khăn trong việc tự giải toả cho mình. Tiếp chuyện với họ nhận thấy họ hay than phiền về số phận, thấy buồn, cô độc. Trên thực tế họ cũng có quan hệ, bạn bè, song những người hiểu và cảm thông với họ lại không nhiều và cũng không đủ kỹ năng, kiến thức để tư vấn và trợ giúp, khiến những đối tượng này gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sống. Nhiều trường hợp phải gồng mình lên để hoàn thành những chức phận, nghĩa vụ mà vị trí của họ đang đảm nhận trong gia đình và ngoài xã hội. Tư liệu phỏng vấn sâu các căn Đòng ở nhóm này cho thấy rất rõ sự mạnh mẽ bên ngoài càng khiến họ khó tìm lại cho mình chỗ dựa của đời sống tinh thần bên trong. Sự khát khao hạnh phúc, chân lý, công bằng, yêu thương đều bị nén lại, đẩy vào góc sâu nhất của tâm hồn nhường chỗ cho trách nhiệm, thể diện, và đạo đức... tất cả giống như một sự tự đánh lừa, nhưng ý thức vẫn nhắc nhở, đeo bám về một bất hạnh, cô đơn và sợ hãi. Điều này giống như biểu hiện của một chứng nhiễu tâm mà rất nhiều nhà phân tâm học đã phân tích: “Chúng ta giả vờ như đời mình được đặt trên một nền tảng vững chắc và không biết đến bóng dáng của sự bất an lo lắng và rối loạn, trong khi kỳ thật chúng không bao giờ rời chúng ta” [9, tr.89]. Sự trải nghiệm liên tục những ấn ức âm tính khiến nhóm người này cũng thường xuyên xuất hiện cảm giác bị cô lập, cô đơn và khủng hoảng tâm sinh lý với những biểu hiện

cáu gắt, thậm chí nổi giận vô cớ. Về phương diện tâm lý, họ là những người nhạy cảm, sự nhạy cảm dẫn đến hệ lụy hay suy nghĩ, suy diễn, rốt cuộc họ luôn cảm thấy bất an trong chính ngôi nhà và cuộc sống của mình, nhu cầu hết sức chính đáng về một chỗ dựa, một điểm tựa cũng trở nên khó khăn khi chính họ vừa mong muốn có vừa sợ hãi chối bỏ. Lời tâm sự của một căn Đòng nhóm này đã thể hiện rất rõ tâm lý đó “*Mình giờ như con chim phải đạn, sợ cả cành cây cong nên mình không muốn lại li dị hay lấy chồng nữa, nhưng cứ sống thế này mình thấy khổ sở và bất lực quá*”[17].

Phân tích những dấu hiệu nhận biết về đặc điểm tâm lý của các căn Đòng thuộc nhóm này cho thấy ít nhiều họ đều có những đặc điểm lâm sàng của bệnh tâm căn mà y học hiện đại gọi chung là rối loạn cảm xúc (RLCX), tâm lý bệnh học gọi là chứng “trầm nhược”, “trầm cảm”. Nguyên nhân của trầm cảm mà giới tâm thần học đã đưa ra là đa yếu tố như sinh học, tâm lý xã hội, những yếu tố này cũng tác động mức độ khác nhau ở những cá thể khác nhau, trong đó vai trò của nhân cách có tính chất quyết định mức độ: “những nhân cách lo âu, phụ thuộc, ám ảnh, phôi trương thì dễ bị trầm cảm. Những sang chấn tâm lý liên quan đến các sự kiện hay hoàn cảnh gây stress và có khuynh hướng tái diễn cũng là những điều kiện tốt cho phát sinh bệnh tâm lý; các yếu tố tâm lý xã hội như xung đột vợ chồng, kinh tế thấp, con hư, người thân chết, xung đột xã hội, mất việc làm, nhân cách yếu, rối loạn tiền mãn kinh... cũng là những nguyên nhân khởi phát bệnh RLCX trên nhiều cá thể”[14, tr.33]. Bị chi phối bởi tâm lý cộng đồng về số phận, đại bộ phận những người thuộc nhóm này cũng hay đi xem bói đoán vận số, họ cũng được tư vấn là “có căn” nên phải *trình đồng* để “nuông nhờ cửa Thánh” hoặc làm lễ *tiền căn*² để hoá giải căn số, hy vọng quang đời về sau khấm khá và may mắn hơn. Một số căn Đòng cho biết “lúc đầu họ cũng không tin lắm, nhưng về sau khi được bẻ rú đi xem lên đồng, thấy hay và cũng tò mò muốn thử”[17].

Cảm giác tham dự một buổi lên đồng khác hẳn với tham dự các nghi thức tôn giáo khác, với tính thẩm mỹ cao và hiệu quả mang lại của âm nhạc châu văn, những tác động ngoại ý của lời ca ngâm ngợi, của khói hương bảng lảng, chất kích thích và những điệu nhảy tự do trong một cộng đồng cùng cảnh ngộ đã tạo ra môi trường đặc biệt của nghi lễ. Khác với những nghi lễ ở các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng khác, trong nghi lễ lên đồng những *người tham dự buổi lễ* (các con nhang đệ tử) nhiều khi cao hứng, phấn khích cũng hát hoà cùng cung văn, múa cùng các Đòng, đặc điểm này tạo ra tính chất nhập cuộc của nghi lễ lên đồng hầu bóng, khiến cho người xem, có cảm giác mình được tham dự, được hoà đồng, được là người trong cuộc chứ không phải là người ngoài cuộc, người quan sát, vì thế nó cuốn hút, gây hưng phấn chứ không gây cảm giác nhàm chán của kẻ đứng ngoài. Đây chính là điểm mạnh của nghi lễ lên đồng và cũng là lợi thế của hình thức tín ngưỡng này. Phong cách biểu diễn, sự tán dương nhiệt thành của người

² *Lễ tiền căn* là cách gọi dân gian về một nghi lễ lên đồng, trong đó Đòng Thầy lên đồng để Thần linh nhập về chứng nhận toàn bộ số lễ vật và hình nhân bằng giấy mà người có căn Đòng cung tiến về Tứ phủ để thay thế cho mạng sống của mình. Trong nghi lễ này bao giờ cũng có chi tiết cúng Sao chủ tinh để *thay đổi sinh mệnh*, vì thế lên đồng ở hình thức này còn được gọi là lễ tiền căn. (xem thêm bài viết về các thực trạng lên đồng ở đồng bằng Bắc bộ và một số vấn đề. Tạp chí văn hoá nghệ thuật số 10 năm 2009).

³ Những thông tin về người bị bệnh này tác giả chỉ nghe kể lại chứ chưa thực sự gặp. Tuy nhiên trong công trình “ông đồng, bà Đòng họ là ai” của Nguyễn Thị Hiền cũng có nhắc đến chi tiết này.

tham dự đã tác động mạnh vào tâm lý người xem làm nảy sinh ham muốn được làm chủ thể của nghi lễ, để được trải nghiệm cảm xúc ở mức cao hơn. Khuynh hướng này đã tác động nhiều vào tâm lý các cá nhân ở các nhóm 1 và nhóm 2 – những người có mong muốn được thoát ly khỏi cuộc sống thực tại và *chiếm lĩnh "cảm giác Thánh Thần"* (tác giả nhấn mạnh). Có thể nói, việc thực hành nghi lễ lên đồng đã đem lại cho các cá nhân thuộc nhóm này *cảm giác thăng hoa đặc biệt*. Trạng thái tâm lý này có tác dụng điều hoà lại thể chất và cân bằng tâm sinh lý, giống như cơ chế gây nghiện, khiến họ lại có mong muốn được tham dự hay chuẩn bị cho những lần lên đồng tiếp theo.

Nhóm thứ 3: là những người mang trong mình mầm mống hoặc đã phát các bệnh lý về tâm thần một chứng bệnh hay xuất hiện ở thời kỳ trưởng thành sinh dục (bệnh hysteri). Họ cũng được Tây y coi như một dạng của thể bệnh tâm thần phân lập, trong quan niệm của cộng đồng họ bị cho là điên: (Đông V/Hà Tây; Đông Tr/Thanh Hoá). Những người này khi phát bệnh thường đi lang thang và nói năng nhảm nhí, lúc khóc lúc cười, khi tỉnh khi mê (tỉnh nhiều hơn), trước khi phát bệnh họ hay có triệu chứng mất ngủ kéo dài. Do không được tư vấn và chữa trị phù hợp nên hay tái phát lại. Sự tái phát là không nhiều, nhưng ngay cả những lúc họ tỉnh táo nhất thì trong thâm tâm, ánh mắt kì thị của cộng đồng nơi họ sinh sống, họ vẫn là "người điên"! Người tốt ngại tiếp xúc với họ, các bậc phụ huynh cấm đoán con, em họ kết bạn với những người này... Tất cả những sự quay lưng đó của cộng đồng đối với "người điên" cứ hằng ngày ngấm vào họ, làm họ nhứt nhối. Sự vô tình đã dồn họ vào tình cảnh không bạn bè thân, không có bạn trai, bạn gái, họ bị cô đơn ngay giữa những người thân của mình. Kết cục họ phải tự đương đầu với những vấn đề của mình trong cô đơn và thù hận. Sự khủng hoảng tâm lý khiến bệnh lý ngày càng gia tăng. Điều đáng nói ở đây là khi được các Thầy bói, Thầy Đông tư vấn cho là "có căn đồng", họ được đưa đến các Thầy, với những tác dụng nhất định của không gian tâm linh, ý nghĩa của nghi lễ cùng những tác động từ phía Thầy đã khiến họ dần như "hồi tỉnh". Vấn đề ở đây là *tác dụng của âm nhạc, cơ chế niềm tin tôn giáo, môi trường tâm linh, cách thức chữa bệnh bằng biểu tượng của các Thầy Đông có kinh nghiệm đã làm nên tác dụng trị liệu của nghi lễ lên đồng* chứ không phải là Thánh Thần chữa trị. Bình luận về tác dụng này, tác giả Nguyễn Kim Hiền cho rằng môi trường đặc biệt của nghi lễ như là "nhân tố phụ trợ có vai trò thúc đẩy và gây thuận lợi cho một *trạng thái biến đổi ý thức xuất hiện*" [15, tr.20]. Khi lên đồng, trong trạng thái "thiên động" hoạt động ý thức yếu đi và thu hẹp giao diện hoạt động nhường chỗ cho hoạt động vô thức chiếm ưu thế mà tạo ra trạng thái ngây ngất. Dưới tác động tích cực của nhạc hát châu văn mà "chức năng trị liệu hay việc điều chỉnh hệ thống tâm sinh lý là nằm ở chỗ kết hợp được cả hai thái cực của đời sống tâm sinh lý: một bên là sự nghiêm túc, chặt chẽ, bên kia là sự nồng nhiệt, hồn nhiên đầy sức sống... phần nghiêm túc có tác dụng ổn định, điều chỉnh hệ thống tinh thần của người tham gia, hướng họ về một thế giới dựa trên một hệ giá trị bền vững; trong khi phần sống động hồn nhiên thì giải thoát, khiến năng lượng tiềm ẩn ở người tham gia đi vào sự vận động làm tăng thêm sức sống" [15, tr.362]. Trải nghiệm cơ chế cảm xúc này thần kinh được thư giãn, các rối loạn hoạt năng được điều chỉnh lại, nhiều bệnh nhân tâm thần thể nhẹ hồi phục.

Nhóm thứ tư: là những người hay mắc các chứng bệnh ốm đau, mà chữa mãi không khỏi. Các chứng bệnh này thường rất đa dạng, bất thường và đều giống nhau ở chỗ là

Tây y không chuẩn đoán ra bệnh và cũng không chữa được khỏi hẳn: Đau đầu kéo dài và thường xuyên tái phát; đau bụng và trướng bụng lên, không có con, hay sảy thai (Đồng N/Hà Nội); tự nhiên ngắt xiú (Đồng H/Hà Nội); mắt đỏ ngàu (Đồng Q/Hà Nội), và nhiều triệu chứng khác mà Nguyễn Thị Hiền cung cấp như: bị kết tóc (tóc bị tết và bết lại)³, "bị ốm dờ, không thiết ăn uống gì, chỉ uống nước và ăn chút hoa quả" [17]... Tất cả những dấu hiệu bệnh này được dân gian cho là bệnh âm (bệnh Phạm Nhan). Những "chẩn đoán" dân gian này không khỏi gây những tác động làm họ rất lo lắng nếu không muốn nói là sợ hãi. Sự sợ hãi dẫn đến nỗi lo lắng thường trực và hệ quả tất yếu của nó là bệnh từ nhẹ thành nặng, từ tưởng tượng thành thật sự⁴. Tuy nhiên, khi được hỏi họ đã chữa bệnh của mình như thế nào, thì đại bộ phận các Đồng ở nhóm này đều cho biết một cách rất lơ mơ, đại loại như "*cũng uống thuốc, cũng đi khám chỗ này chỗ kia...*" [17]. Khác với cách đối phó tích cực của người phương Tây là đối diện với thực tế và vượt qua nó thì ở người Việt Nam lại luôn mong muốn hoá giải và gạt bỏ bệnh tật bằng mọi cách, kể cả mượn oai linh Thánh thần. Với logic tâm lý thông thường: bệnh âm phải chữa bằng thể lực âm Thần. Được hướng dẫn, chỉ bảo, thậm chí cả vận động bởi các Thầy bói, Thầy Đồng những người này ở ĐBBB tìm đến với nghi lễ *gia trình đồng*. Chịu lễ gia trình đồng, ít nhiều cũng mang lại những hiệu quả giải tâm lý nhất định. Với vị thế mới: Trở thành Đồng – thành tôi con của Thánh, được Thánh che chở, họ trở nên vững tin, thoái mái, bớt đi nhiều lo lắng bởi cảm giác có thể lực nào đó vẫn dõi theo và âm phù cho mình. Về mặt khoa học mà nói khi tâm lý không còn căng thẳng, tinh thần thoải mái, thể trạng cũng như khoẻ hơn do cơ chế thần kinh được thoải mái tiết nhiều hoóc môn có lợi cho sức khoẻ.

Nhóm thứ năm: là những người hoàn toàn bình thường, họ là những tiểu thương tiểu chủ, trong nhóm này còn có cả những mệnh phụ phu nhân. Hoạt động sống chủ yếu của nhóm này là buôn bán, kinh doanh, hoặc nhờ vào công danh tài lộc của chồng con. Câu chuyện cuộc đời của những người nhóm này cho thấy họ cũng phải đối mặt với những thất bại, thành công, may rủi, chưa kể là những thương vụ còn bị chèn ép, cạnh tranh, ăn chặn... Tính chất nghề nghiệp cũng khiến họ mệt mỏi, bức xúc và căng thẳng. Đặc biệt, trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay còn khá nhiều bất cập về cơ chế, khung khổ pháp lý, những luật nước, lệ làng mà người làm ăn buộc phải theo trong quá trình kinh doanh kiếm lời của mình, những tác động rủi ro của một nền tài chính đầy biến động như ở Việt Nam cũng là một tác nhân gây Stress. Nam giới làm kinh doanh đã vất vả, phụ nữ còn chịu nhiều sức ép hơn, ngoài việc phải thành đạt trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình, họ vẫn phải làm tròn bổn phận làm vợ, làm mẹ và cũng như phải không ngừng tự vươn lên để khẳng định vị thế của giới mình trong một xã hội mà hiện tượng trọng nam, khinh nữ đến nay vẫn còn hiện diện đầy đó trong cuộc sống, đặc biệt là trong gia đình. Mong muốn được coi trọng, ngang bằng với nam giới cũng là những nguyện vọng chính đáng của những người phụ nữ tài ba, tháo vát xưa và nay. Sự hiện diện của những "quý bà" trong nhóm này có thể lý giải như sau: họ có khá nhiều điều

⁴ Khoa học đã chứng minh được một người mà luôn bị ám thị là mình bị bệnh đau dạ dày thì đến một ngày nào đó anh ta sẽ bị đau dạ dày thật sự.

kiện tiền bạc, vật chất, nhưng lại không thể bộc lộ một cách thái quá với bên ngoài do vị trí xã hội nhạy cảm. Họ có cuộc sống giàu sang đầy đủ, dư thời gian và tiền bạc nhưng lại bị hạn chế về môi trường tiêu thụ và thể hiện, một số khác còn sống trong bối cảnh là mẹ, là vợ trong gia đình nhưng thực sự tiếng nói họ của họ chẳng có một chút ảnh hưởng nào tới những ông "chồng quan" và những đứa con "sính quyền lực" của họ. Đến với nghi lễ lên đồng, được thể hiện cái tôi (khi lên đồng họ được hoá thân vào Thần Thánh), được phô trương một cách hợp lý (thoả sức may khăn châu áo ngự), vừa giải quyết được nhu cầu tâm linh (nguyện cầu Thánh phù hộ), không ngoại trừ có trường hợp họ còn sử dụng môi trường nghi lễ để thực hành một số thao tác tâm lý hữu hiệu mà tác động tới những quyết định quan trọng của các ông chồng quan chức để đạt được những mục đích cụ thể cho cá nhân và gia đình⁵. Mục đích này của một số Đồng cũng đã được Nhất Lang ghi chép trong tài liệu "Đồng bóng", sau này M. Durand có trích dẫn nhiều trong công trình của ông: "lúc đó, nhà tôi nấp dưới bóng Thánh vẫn đang truyền truyền, phán phán. Tôi thừa biết đó là một mưu kế để dễ bề khuất phục tôi" [5, tr. 18].

3. Kết luận:

Qua phân tích về đặc điểm tâm lý những căn Đồng thời kinh tế thị trường nêu trên, dù xếp ở nhóm nào, thì họ cũng vẫn là người Việt, sống trong bối cảnh văn hoá tâm linh Việt Nam – một nền văn hoá mà các thực hành tín ngưỡng, tôn giáo gần như có mặt trong suốt cuộc sống vòng đời của con người. Môi trường sống, tâm lý xã hội tạo nên phương thức ứng xử [10, tr.93], hiện tượng các cá nhân thuộc những nhóm xã hội có những đặc điểm nhân cách và hoàn cảnh xã hội nêu trên hay tìm đến các Thầy bói, Thầy Đồng để giải quyết các trục trặc của đời người cũng là điều dễ hiểu. Nhận định từ những "người trong cuộc" về trạng thái bất an kéo dài đã hoàn toàn hết hoặc thuyên giảm sau khi đã tham gia, thực hành nghi lễ lên đồng có thể lý giải như sau: không phải là Thánh Thần đã chữa trị giúp họ mà là do tác dụng ngoại ý của nghi lễ với niềm tin vào Thánh Thần nơi họ đã tạo ra *hiệu quả tự giải ám thị* mang lại. Nói cách khác, việc khỏi bệnh của một số con nhang đệ tử *sau khi lên đồng cũng là kết quả của một quá trình giải tâm lý ám thị tự thân đem lại và nghi lễ lên đồng chỉ như một dạng phương tiện cộng hưởng với ý nghĩa hỗ trợ về mặt tâm linh mà thôi*. Ở một số người khác, tuy không gia trình Đồng, thì nghi lễ tiến căn thực chất cũng đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời những người được coi là có mối dây liên hệ với Thánh Thần. Từ đây họ có thể yên tâm làm ăn mà không sợ bị Thánh quở trách vì họ đã trả nợ được Tứ phủ (tâm lý nợ nần khiến con người ta bất an), với những đối tượng gia trình Đồng, họ cũng yên tâm vì từ nay trong cuộc đời họ có thêm một sự bảo hiểm nữa – một sự bảo hiểm vô hình nhưng lại có thể hiện diện ở bất kỳ đâu, bất kỳ chỗ nào và theo suốt trong cuộc đời của họ. Điều này khiến các cá nhân trở nên thanh thản thoải mái hơn. Đó là chưa kể đến những hiệu quả từ quan hệ kinh tế - xã hội có được sau khi đã trở thành Đồng sẽ làm cho họ có tâm lý tự tin hơn trong một cộng đồng với đầy đủ sự cảm thông, thấu hiểu như câu nói "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu".

⁵ Trong nhiều lần tham dự các canh hầu đồng tác giả chứng kiến các ông chồng vào xin lộc Thánh là vợ của họ rất cung kính.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (1992), *Tín ngưỡng Việt Nam* (quyển thượng - quyển hạ). Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
2. Adamopoulos J, Kashima Y (1999), *Social Psychology and Cultural Context*, International Educationl and Professional publisher .
3. Võ Văn Bản (2008), *Thực hành điều trị tâm lý*. Nxb. Y Học.
3. Bernard H.R.(2007), *Các phương pháp nghiên cứu trong nhân học tiếp cận định tính và định lượng*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Trần Mạnh Cường (1999), *Nhận xét đặc điểm biến đổi ý thức của trạng thái lên đồng ở các lễ hội vùng Nam Định*, Luận văn ThS. chuyên ngành tâm thần học.
5. Durand. M (1959), *Technique et panthéon des médiems VietNamiens*. Paris.
6. Vũ Dũng (2001), *Niềm tin của con người vào một thế giới khác*. Tạp chí Tâm lý học (5).
7. Vũ Dũng (2001), *Sự thoả mãn nhu cầu tinh thần qua hình thức sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng*. Tạp chí Tâm lý học, (8).
8. Family Health International (2005), *Reaching men who have sex with men in Ho Chi Minh city*.
9. Freud.S, C. Jung, E. Fromm & Roberto Assagioli (2002), *Phân tâm học và văn hoá tâm linh*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
10. Adamopoulos J, Kashima Y (1999), *Social Psychology and Cultural Context*, International Educationl and Professional publisher , Thousand Oaks London New Delhi
11. Nguyễn Thị Hiền (2007), *Bệnh âm chuẩn đoán và chữa bệnh trong lên đồng của người Việt*, Báo cáo tham luận hội thảo khoa học tại Bình Châu- Vũng Tàu.
12. Bùi Quang Huy (2008), *Trầm cảm*. Nxb. Y Học.
13. Bùi Quang Huy (2007), *Rối loạn lo âu*. Nxb. Y Học.
14. Phạm Thị Hiền (2007), *Tìm hiểu các hình thái rối loạn cảm xúc ở bệnh nhân điều trị nội trú tại viện sức khoẻ tâm thần năm 2005*. Khoá luận tốt nghiệp bác sĩ y khoa chuyên ngành Tâm thần. Đại học Y Hà Nội.
15. Ngô Đức Thịnh (chủ biên 2008), *Đạo mầu và các hình thức shaman trong các tộc người ở Việt Nam và châu Á*. Nxb. Khoa học Xã hội.
16. Ngô Đức Thịnh (2007), *Lên đồng, hành trình của thần linh và thân phận*. Nxb. Trẻ.
17. *Tư liệu phỏng vấn sâu của tác giả ở hai địa bàn Nam Định và Hà Nội trong các năm 2006- 2007- 2008- 2009*.
18. Nguyễn Việt (1984), *Tâm thần học*. Nxb. Y học.
19. Nguyễn Đức Vượng (2006), *Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng trầm cảm ở bệnh nhân tâm thần phân liệt*. Luận văn thạc sĩ y khoa chuyên ngành Tâm thần, Đại học Y Hà Nội.